

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23 – 10 – 2020

V/v không công nhận là vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thanh Xuân

2. Bà Trương Ngọc Diệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2020/TL.ST-HNGĐ, ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2020/QĐXX-ST ngày 09 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TP, thị trấn CT, huyện CT A, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông Châu Hoàng V (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 111A, tổ 3, ấp PH, xã PT, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà và ông Châu Hoàng V tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1993, có tổ chức đám cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu ông bà chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà và ông V bất đồng quan điểm trong cuộc sống, công việc và cách chăm sóc gia đình. Từ đó cả hai không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống không còn hạnh phúc. Bà và ông V đã cố gắng giải quyết nhưng vẫn không được nên đã ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Nhận thấy không thể hàn gắn được nên bà khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông V.

Về con chung: Có 01 con chung tên Châu Khánh Duy (nam), sinh ngày 19/11/1993. Hiện cháu Duy đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và về nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Châu Hoàng Vtrình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 01/10/2020: Ông và bà Nguyễn Thị D tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1993, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì ông cũng thống nhất với phần trình bày của bà D. Ông và bà D cũng đã ly thân nhau từ năm 2009. Nay bà D yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Châu Khánh Duy (nam), sinh ngày 19/11/1993. Hiện cháu Duy đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, ông Vvà bà D vắng mặt, có đơn xin yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị D và ông Châu Hoàng Vlà vợ chồng; Về con chung: Không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị D và ông Châu Hoàng Vchung sống như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Nay hai bên phát sinh mâu thuẫn nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Việt. Căn cứ theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án hôn nhân và gia đình về việc không công nhận là vợ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt ông Việt, bà D nhưng đã có yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Việt, bà D là đúng quy định pháp luật.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà D và ông Vtự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống bà D và ông Vphát sinh mâu thuẫn không giải quyết được nên đã không còn chung sống với nhau hơn 10 năm. Đến thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết các đương sự vẫn không đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Nay bà D yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà Nguyễn Thị D và ông Châu Hoàng Vlà vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Châu Hoàng V có 01 con chung tên Châu Khánh D1 (nam), sinh ngày 19/11/1993. Do cháu D1 đã trưởng thành nên bà D và ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị D và ông Châu Hoàng V là vợ chồng.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai số 0005545 ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà D đã nộp xong).

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h. Châu Thành A;
- VKSND h. CT A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Thị Chiên